

mai
khắc
ứng

Huế,
cõi
đất
thơm



DX.037801



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Huế - Cội đất thom

Đã có nhiều người giảng giải rằng Huế là từ Thuận Hóa mà nên. Mới nghe tưởng là có lý. Bởi lẽ ở thời thịnh Nguyễn người ta buộc phải kiêng một số tên húy. Ví như “hoa” đọc trại thành “huê” là do bà thân mẫu của nhà vua Nguyễn Hiến Tổ (Thiệu Trị) có tên là Hoa. Nhưng chỉ trại riêng chữ Hoa thành Huê, Thanh Hoa thành Thanh Hóa mà thôi. Không phải tất cả oa đều thành uê, óa đều thành uế hết.

Thì đó, vẫn còn Thuận Hóa, Thiệu Hóa, Tuyên Hóa, Minh Hóa, Hương Hóa, Lạc Hóa, Mộc Hóa, Quy Hóa... Chẳng có địa danh “Hóa” đơn tiết nào để biến thành “Huế” đơn tiết. Nếu nói rằng Huế từ Thuận Hóa mà nên thì phải gọi là Thuận Huế mới phải. Xưa nay chưa có sách nào ghi Thuận Huế mà chỉ Huế không thôi. Và lại khi một từ hoặc một cặp từ biến âm thì từ căn bị triệt tiêu. Cho đến nay Thuận Hóa vẫn tồn tại đồng hành với Huế đó sao. Sự biến âm của một địa danh phải tự thân và tự tại. Thanh Hoa thành Thanh Hóa ngay trên địa bàn trước sau vẫn của tỉnh đó. Bình Thái thành Bình Thới cũng vậy. Đổi tên nhưng không đổi địa bàn và phạm vi vốn dĩ. Thuận Hóa là địa danh kép ghép hai châu Thuận và Hóa mà nên. Thuận từ châu Ô. Hóa từ châu Rí.

“Hai châu Ô Rí vương ngàn dặm

Một gái thuyền duyên của mấy mươi”.

(Hoàng Cao Khải)

Thuận Hóa vương ngàn dặm mới ôm gọn nửa phía nam tỉnh Quảng Trị, toàn bộ tỉnh Thừa Thiên Huế và nửa phía bắc tỉnh Quảng Nam. Có khi còn rộng hơn gồm hai phủ Tân Bình (Quảng Bình), Triệu Phong (Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng). Sách “Ô Châu Cận Lục” do Dương Văn An nhuận sắc viết về vùng đất đó. Huế chưa bao giờ rộng đến thế. Thuận Hóa chưa một lần được coi là Thuận Huế. Cũng vậy, Hóa Châu chưa một lần được gọi là Huế Châu. Chúng tôi nghĩ rằng Huế là Huế mà Thuận Hóa hay Hóa Châu cũng như Thừa Thiên Huế với Huế ngày nay thôi. Hơn nữa Huế là một từ đơn. Hóa Châu hay Thuận Hóa là một từ kép. Từ đơn thông thường cao tuổi hơn từ kép Hán Việt bởi bóng dáng bản địa còn đậm đà. Kẻ Huế vẫn được Linh mục Alexandre de Rhodes nói đến khi xứ Thuận Hóa đã ra đời được 334 năm và đang tồn tại dưới danh nghĩa Thừa tuyên Thuận Hóa ở xứ Đàng Trong. Thuận Hóa không bị triệt tiêu khi biến danh thì Huế càng không thể do Thuận Hóa mà thành.

Kẻ Huế có vẻ đầu nguồn của ngôn ngữ Việt hơn và biết đâu đó lại là “con nòi của giống”. Mặt khác xứ Thuận, xứ Hóa là một cặp song sinh từ Ô, Rí. Sau năm 1306, Ô được đổi thành Thuận, Rí được đổi thành Hóa. Muốn Hóa (tức phát triển) điều kiện tiên quyết là phải Thuận. Địa danh này ra đời là ánh phản ước vọng của lớp người Việt

đầu thế kỷ XIV. Thuận Hóa lúc đó có hai phủ Tân Bình và Triệu Phong. Tân Bình về sau Chúa Tiên Nguyễn Hoàng đổi thành Quảng Bình. Triệu Phong bao gồm Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng và huyện Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam ngày nay. Địa danh Huế chưa bao giờ nhận vậy.

Theo Podharma, “huế” là tiếng Chăm như chữ “thơm” của tiếng Việt. Huế = Thơm. Kè Huế = Kè Thơm. Như vậy là về ngữ nghĩa huế hoàn toàn không có nội hàm của hóa. Huế không phải từ Thuận Hóa thành.

Và lại, nếu bảo rằng Huế từ Hóa Châu mà có thì trước tiên dân làng Thành Trung (trung tâm thành Hóa Châu), dân xã Quảng Thành, dân huyện Quảng Điền, được tự mình nhận là Huế trước. Nhưng họ còn phải đứng từ xa mà nhìn Huế. Với họ, Huế là những dãy phố san sát hai bên bờ sông Hương phía trên thượng cảng Thanh Hà - Bao Vinh. Nơi đó một thửa là thủ phủ. Một thửa là kinh đô.

Kinh đô Huế là kinh đô Phú Xuân. Kinh đô Phú Xuân bắt nguồn từ thủ phủ Kim Long - Phước Yên - Ái Tử. Đó là mạch phát từ Nguyễn Hoàng. Nguyễn Hoàng né tránh Hóa Châu là né tránh mối hiểm nguy bất ngờ từ phía Trịnh. Các thế hệ chúa Nguyễn bỏ mặc Hóa Châu bởi một thời quan lại do chúa Trịnh phái vào cai quản ở đó. Hóa Châu tàn tạ làm sao mà được hóa thân thành Huế với thời Nguyễn. Và, cho đến nay địa danh Hóa Châu vẫn còn. Như thế là Châu thành Huế không giành Châu thành Hóa cho mình. Huế là Huế từ đầu vậy.

Cũng có khi do nhu cầu xác định địa bàn mang tính đặc thù cần sự thuận ngôn tương ứng, Huế được nâng lên như một đại diện vùng nằm giữa đèo Ngang và đèo Hải Vân. Đó là Thanh, Nghệ, Huế, Quảng. Về mặt địa giới Thanh cho tỉnh Thanh Hóa. Nghệ cho cả Nghệ An và Hà Tĩnh. Quảng cho cả Quảng Nam và Quảng Ngãi. Huế chưa bao giờ ôm tất cả địa vực Bình, Trị, Thiên, Đà Nẵng như Thuận Hóa một thời. Huế không từ Thuận Hóa mà nên vậy. Nhưng về mặt phong thổ, địa bàn, nguồn gốc dân cư, tâm thức, tính cách... Huế trong chuỗi Thanh - Nghệ - Huế - Quảng xin được coi là một vùng đặc trưng về lĩnh vực địa văn hóa mà thôi.

Những năm đầu Công nguyên, Huế có lẽ là Lô Dung - một trong năm huyện của quận Nhật Nam (Tây Quyển, Chu Ngô, Tỳ Cảnh, Lô Dung, Tượng Lâm). Quận Nhật Nam bị nhà Hán đô hộ. Văn minh Trung Hoa bắt đầu gia nhập vào bộ phận dân chúng vốn là chủ nhân của văn hóa Sa Huỳnh có sự xen cư với chủ nhân văn hóa Đông Sơn mà trước đó vốn đã tìm được ánh sáng của nền văn minh Ấn Độ cổ đại. Sự pha trộn như thế làm nên sắc thái riêng của cộng đồng dân cư bắc Chăm pa. Cuối thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, nhân dân huyện Tượng Lâm (Quảng Nam, Quảng Ngãi) nổi lên chống quan quân nhà Hán với sự hưởng ứng không chỉ của các huyện thuộc quận Nhật Nam mà còn của quận Cửu Chân (chủ yếu là An Tĩnh). Nhà nước Lâm Ấp ra đời nghiêng hẳn về phía Ấn Độ bởi tính thuần lương vô tư và trong sáng của nền văn minh này. Ấn Độ giáo, Bà La Môn giáo, Phật giáo phát sáng. Vương

triều Gangaraja ra đời chọn Trà Kiệu làm kinh đô khai sáng. Đó là Sinhapura. Sinha là sư tử. Pura là thành phố. Thành phố mang tên sư tử phải chăng là khát vọng về sự tìm kiếm sức mạnh để tự cường trước nạn bành trướng của các thế lực phương Bắc luôn luôn là nguy cơ. Tín ngưỡng Ấn Độ là cứu cánh làm chỗ dựa cho vương triều mới mà Phật giáo đóng vai trò tích cực để bình ổn xã hội sau vài ba trăm năm bị đô hộ. Trong bối cảnh đó Nam Chăm thịnh thời đi với Ấn Độ giáo, Bà La Môn giáo, tự lập mà lớn lên. Bắc Chăm và Nam Chăm hẳn thành những nét dị biệt trên nền tương đồng vì lẽ đó.

Năm 446 Thứ sử Giao Châu là Đoàn Hòa Chi của nhà Tiền Tống đánh chiếm Lâm Ấp. Kinh đô Sinhapura bị cướp phá nặng nề. 159 năm sau, kinh đô Sư tử này lại bị Lưu Phương của nhà Tùy tàn phá cướp giệt. Vương triều Gangaraja hai lần gặp nạn từ phương Bắc, nên tan nát và suy yếu, khó phục hưng. Trong khi đó phía nam yên ổn hơn. Ấn Độ giáo và Bà La Môn giáo mặc sức lan tỏa ảnh hưởng và chi phối mọi sinh hoạt xã hội. Sức mạnh và sự phát triển yên lành từ phía nam trở thành lực hấp dẫn. Vương triều Panduranga ra đời, kinh đô Chăm pa chuyển về phía trong lấy Po Naga làm trung tâm quyền lực. Po Naga tôn thờ nữ thần Uma - vợ của thần Siva chính là tôn thờ Ấn Độ giáo.

Sang thế kỷ thứ VIII tình hình xã hội phương Bắc từ Tùy, Đường đến Lương, Tấn không yên, nhân dân bị trị các quận Giao Chi, Cửu Chân liên tiếp nổi dậy, bắc Chăm với địa bàn cư trú rộng, dân cư đông, ruộng đồng màu mỡ

lại bình yên dưới bóng Bồ Đề, tái tạo nên lực hấp dẫn. Vương triều mới có lẽ của Indravacman II chiếm ưu thế. Kinh đô Chăm pa lại chuyển ra bắc Chăm. Đồng Dương nay thuộc xã Bình Định, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam được lựa chọn để xây dựng kinh đô ánh sáng chiếu bởi hào quang. Đó là Indrapura. Indra là thần ánh sáng tức hào quang. Pura là thành phố. Thành phố của thần ánh sáng - hào quang chính là thành phố của trung tâm Phật giáo. Bởi chỉ có chư vị Phật, chư vị Bồ tát mới phát sáng hào quang. Indrapura - Đồng Dương cách Sinhapura - Trà Kiệu kinh đô cũ 15km về phía đông nam là kinh đô Vương triều đồng thời là kinh đô Phật giáo.

Huế của Ô, của Rí, của Lý rồi của Hóa nằm trong vòng tỏa sáng của ánh hào quang Indrapura - Đồng Dương. Vương triều Đồng Dương đề cao thần Indra như là sự dung hòa tín ngưỡng Ấn Độ để cổ xúy và phát huy ảnh hưởng của Phật giáo trên toàn Vương quốc. Po Naga vì thế không còn chiếm vị trí trung tâm và vai trò của Nữ thần Uma, vợ của thần Siva từng được tôn thờ trong các đền tháp Po Naga tượng trưng cho quyền lực nhà vua cũng giảm thiêng liêng nên phai nhạt rồi tàn tạ dần. Từ đó chùa tháp thờ Phật uy nghi lộng lẫy không chỉ ở Đồng Dương mà hầu như được cổ xúy trên toàn bộ địa bàn bắc Chăm pa. Mối quan hệ giữa hoàng gia và hàng ngũ giáo phẩm gắn bó mật thiết hơn. Có thể nói không nhầm, với Vương triều Đồng Dương, Phật giáo cũng đã lên ngôi.

Theo Cổ Giáo sư Trần Quốc Vượng thì Phong Nha (Quảng Bình) một thời là thánh địa Phật giáo. Trà Kiệu

phía trong. Trà Kệ phía ngoài bị ngăn bởi dãy Ngải Lãnh về địa thế nhưng không ngăn hai vùng dân cư vốn là anh em một nhà về mặt tâm linh. Huế nằm giữa Đồng Dương - Phong Nha, nằm giữa môi trường tín ngưỡng đó lẽ nào không thấm đẫm màu thiên.

Đọc những trang viết của Giáo sư Lương Ninh về bia An Thái (Quảng Nam) thời Bơ - ha - đơ - vắc - man III có đề cập đến việc xây dựng chùa cho Nagapuspa ở Đồng Dương, rồi liên hệ với địa danh Long Thọ bên cạnh Thành Lôi (có thể là thành Phật Thệ ở Huế), tôi cứ ngỡ ngỡ dường như có mối liên hệ nào đó về hai vùng dân cư trong ngoài đèo Hải Vân. Long Thọ Bồ tát chính là Nagarjunas. Thành Lôi và Long Thọ nằm ở bờ nam hữu ngạn sông Hương. Chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê, mà thuở khai sơn mang tên là Thiên Mỗ, trước đó có lẽ là nền đền tháp Po Naga thờ Mẹ Xứ sở, đổi ngạn lập thành một cụm trung tâm đứng giữa hệ quy chiếu Núi - Biển là Vân Trạch Hòa - Thiên Mụ - Thành Lôi - Linh Thái (cửa Tư Hiền).

Như vậy là chùa Thiên Mỗ đã đứng lên trên nền đền tháp Po Naga cổ một thời thờ Nữ thần Uma mà cư dân bản địa coi là Mẹ Xứ sở. Po Naga phai mờ. Đền tháp của Bà, thờ vợ thần Siva Ấn Độ giáo trở thành chùa của Mụ, thờ chư vị Phật, chư vị Bồ tát là quá trình chuyển giao Nam - Bắc, chuyển giao Chăm - Việt. Chúa Tiên Nguyễn Hoàng không phải là người khai sơn mà chỉ là người biết thừa kế tái thiết. Tái thiết chùa nhưng không tái thiết tên chùa. Thiên Mụ cũng là Thiên Mỗ. Suy cho cùng thì vẫn bảo lưu tư tưởng thờ Mẹ Xứ sở đó thôi.

Vân Trạch Hòa là cụm tháp nằm trên vùng đất có lẽ là thánh địa mà chúng ta chỉ mới nhìn thấy bề thờ cũng đủ nhận ra các tự thể danh lễ, tôi nghĩ là của các chư vị Phật, chư vị Bồ tát cùng các vị thần Brama, Visnu, Siva. Có lẽ người xưa đã từng dung hợp tín ngưỡng Ấn Độ nên đã coi vùng thánh địa này là cõi “Tây Thiên” - Su Mê ru chăng? Và biết đâu, do một sự tình cờ ngẫu nhiên khi mặt trời tụt xuống phía sau dãy núi nay có tên là Kim Phụng - Thọ Sơn đã bắn lên những tia hào quang rẽ quạt làm người ta liên tưởng đến miền cực lạc và thế là tên Thất Thế Giới Sơn - Su Mê ru được gán cho dãy núi này. Đã có Su Mê ru đương nhiên phải có Hương Thủy Hải. Dòng sông trong xanh thanh bình sâu lắng nằm dưới chân phía đông Thất Thế Giới nghiêm nhiên được mang tên sông Huế, sông Thơm như là Biển Nước Thơm (Hương Thủy Hải) trong kinh Phật. Hương Thủy Hải trên thực tế là dòng sông nên trong văn tự sinh hoạt đời thường được gọi là Hương Thủy giang. Hương Thủy giang rút gọn thành Hương Giang từ lẽ đó. Tôi không ngã về phía lý giải cảm nhận rằng sở dĩ có tên sông Hương vì mùi thơm của hoa thạch xương bồ hay cây hương huyền thoại của chúa Tiên Nguyễn Hoàng bên bờ sông trước chùa Thiên Mục. Thạch xương bồ có chăng là trên A Roàng, A Đốt mà cây hương huyền thoại thì mãi đến năm Tân Sửu, 1601 mới thành chuyện. Địa danh Huế lại ra đời từ thuở sinh thành. Huế là Thơm, là Hương vậy. Huế không từ Thuận Hóa mà nên bởi cả lẽ này nữa.

Điều tôi muốn “nghĩ về xứ Huế xa xưa” chủ yếu là nghĩ về vị thế địa lịch sử và địa văn hóa đã làm nên địa danh này.